

HỘI KHUYẾN HỌC VIỆT NAM CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 324 /QĐ-KHVN

Hà Nội, ngày 25 tháng 10 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Bộ tiêu chí và Hướng dẫn đánh giá, công nhận danh hiệu
“Công dân học tập” giai đoạn 2021 – 2030**

BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG HỘI KHUYẾN HỌC VIỆT NAM

Căn cứ Quyết định số 122/TTg ngày 29/02/1996 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Hội Khuyến học Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 489/QĐ-TTg ngày 8/4/2020 của Thủ tướng Chính phủ ban hành kế hoạch thực hiện Kết luận số 49-KL/TW ngày 10/5/2019 của Ban Bí thư Trung ương Đảng khóa XII về tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 11-CT/TW ngày 13/4/2007 của Bộ Chính trị khóa X về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác khuyến học, khuyến tài, xây dựng xã hội học tập;

Căn cứ Chỉ thị số 14/CT/CT-TTg ngày 25/5/2021 của Thủ tướng Chính phủ về “Đẩy mạnh công tác khuyến học, khuyến tài, xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2021- 2030”;

Căn cứ Quyết định số 1373/QĐ-TTg ngày 30/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2021 - 2030”;

Căn cứ Quyết định số 677/QĐ-TTg ngày 03/6/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình “Xây dựng mô hình Công dân học tập giai đoạn 2021- 2030”;

Theo đề nghị của Thường trực Trung ương Hội Khuyến học Việt Nam.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành Bộ tiêu chí công nhận danh hiệu “Công dân học tập” và Hướng dẫn tổ chức đánh giá, công nhận danh hiệu “Công dân học tập” giai đoạn 2021- 2030.

Điều 2. Quyết định này áp dụng đối với: cán bộ, công chức, viên chức; sĩ quan, hạ sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, chiến sĩ Quân đội nhân dân; sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ Công an nhân dân; người quản lý các tổ chức kinh tế, doanh nghiệp (sau đây gọi chung là *cán bộ công nhân viên, doanh nhân*); học sinh, sinh viên, học viên (sau đây gọi chung là *người học*) trong các cơ sở giáo dục cấp tỉnh, cơ sở giáo dục cấp huyện (từ cấp trung học phổ thông trở lên), cơ sở giáo dục

nghề nghiệp; công nhân, người lao động có trình độ chuyên môn kỹ thuật (sau đây gọi chung là *người lao động*); nông dân và lao động nông thôn (sau đây gọi chung là *người dân trong xã*) và các tổ chức, cá nhân có liên quan.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Quyết định này thay thế Quyết định số 244/QĐ-KHVN ngày 28 tháng 7 năm 2022 của Ban chấp hành Trung ương Hội Khuyến học Việt Nam ban hành Bộ tiêu chí và hướng dẫn đánh giá, công nhận danh hiệu “Công dân học tập” giai đoạn 2021-2030.

Điều 5. Ban Chấp hành Trung ương Hội, Hội Khuyến học các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Chánh Văn phòng, Trưởng các Ban chuyên môn của cơ quan Trung ương Hội, các tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. 

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- Ban Tuyên giáo TƯ (để b/c);
- Phó Thủ tướng Trần Hồng Hà (để b/c);
- Văn phòng Chính phủ (để b/c);
- Bộ Nội vụ (để b/c);
- Bộ Giáo dục và Đào tạo (để ph/h);
- Bộ Tài chính (để ph/h);
- Các Bộ, ngành, tổ chức chính trị, xã hội liên quan đến Quyết định 677/QĐ-TTg;
- Sở GDĐT các tỉnh, thành phố;
- Hội Khuyến học các tỉnh, thành phố;
- Lưu VP.

**TM. BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG HỘI
KHUYẾN HỌC CHỦ TỊCH**



Nguyễn Thị Doan

**I. TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ, CÔNG NHẬN ĐẠT DANH HIỆU
“CÔNG DÂN HỌC TẬP”**



Phụ lục I

**BỘ TIÊU CHÍ KHUNG VÀ CHỈ TIÊU ĐÁNH GIÁ
MÔ HÌNH “CÔNG DÂN HỌC TẬP”**

*(Kèm theo Quyết định số 324 /QĐ-HKVN ngày 25 tháng 10 năm 2023 của
★ Ban chấp hành Trung ương Hội Khuyến học Việt Nam)*

Tiêu chí khung	Chỉ tiêu <i>(các kỹ năng cơ bản và phẩm chất mong muốn)</i>	Điểm số
I. Năng lực tự học, học tập suốt đời	1. Kỹ năng: tìm kiếm, tra cứu, đọc, cập nhật thông tin và kiến thức trên sách báo, các phương tiện truyền thông đại chúng, các thiết bị điện tử cá nhân.	10
	2. Kỹ năng: sắp xếp/xây dựng kế hoạch học tập theo các chương trình phục vụ yêu cầu công việc, hoặc nhiệm vụ do cơ quan, tổ chức quy định.	10
	3. Kỹ năng: sắp xếp hợp lý công việc để có thời gian tham gia các hoạt động cộng đồng, tại các cơ sở, thiết chế văn hóa, giáo dục hoặc các hội thảo, hội nghị nhằm trang bị kiến thức cho bản thân	10
	4. Kỹ năng: động viên, tạo điều kiện cho người thân trong gia đình và đồng nghiệp được học tập thường xuyên.	10
II. Năng lực sử dụng công cụ học tập, làm việc	5. Kỹ năng: sử dụng công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu công việc và cuộc sống.	10
	6. Kỹ năng: sử dụng ngoại ngữ theo yêu cầu công việc và vị trí đảm nhận.	10
	7. Kỹ năng: tính toán để công việc luôn được cải tiến, sáng tạo, đạt chất lượng và hiệu quả cao, đóng góp nhiều cho cộng đồng và xã hội.	10
	8. Kỹ năng: tư duy biện chứng và tư duy phản biện trong công việc, trong sản xuất kinh doanh, dịch vụ... và hoạt động xã hội.	10
III. Năng lực xây dựng và thực hiện các mối quan hệ xã hội	9. Kỹ năng: thiết lập mối quan hệ thân thiện với mọi người; kỹ năng giải quyết xung đột, thích ứng an toàn. Có trách nhiệm với gia đình, cộng đồng và xã hội. Tuân thủ pháp luật.	10
	10. Kỹ năng: hợp tác, chia sẻ trong lao động, học tập và hoạt động xã hội. Tôn trọng bình đẳng giới và sự đa dạng văn hóa. Có ý thức bảo vệ môi trường.	10
	Tổng điểm:	100

Phụ lục II**TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ, CÔNG NHẬN ĐẠT DANH HIỆU
“CÔNG DÂN HỌC TẬP” DÙNG CHO NGƯỜI DÂN TRONG XÃ**

*(Kèm theo Quyết định số 324 /QĐ-HKVN ngày 25 tháng 10 năm 2023 của
Ban chấp hành Trung ương Hội Khuyến học Việt Nam)*

Tiêu chí	Chỉ tiêu	Điểm số
1. Tiêu chí 1: Năng lực tự học, học tập suốt đời (40 điểm)	Chỉ tiêu 1: Hàng ngày dành thời gian hợp lý để đọc sách báo, cập nhật thông tin trên đài phát thanh, đài truyền hình hoặc trong điện thoại di động...	10
	Chỉ tiêu 2: Tham gia học tập tại trung tâm học tập cộng đồng, trung tâm dạy nghề để làm tốt các công việc liên quan đến phát triển kinh tế nông thôn.	10
	Chỉ tiêu 3: Biết sắp xếp thời gian lao động hợp lý để có thời gian tham gia các hoạt động đoàn thể hoặc hoạt động của các tổ chức xã hội, các buổi sinh hoạt ở Nhà văn hóa, câu lạc bộ, thư viện tại địa bàn cấp xã.	10
	Chỉ tiêu 4: Chăm lo, giúp đỡ, động viên, khuyến khích mọi người trong gia đình và bà con hàng xóm, trong cộng đồng... học tập thường xuyên.	10
2. Tiêu chí 2: Năng lực sử dụng công cụ học tập, làm việc (40 điểm)	Chỉ tiêu 5: Sử dụng được điện thoại di động hoặc máy tính bảng, ipad vào công việc sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, giao dịch có hiệu quả (Thương mại điện tử).	10
	Chỉ tiêu 6: Tham gia học một ngoại ngữ hoặc ngôn ngữ của đồng bào thiểu số để chào hỏi, làm quen, hiểu được một số hướng dẫn bằng tiếng nước ngoài ... phục vụ sản xuất và cuộc sống.	10
	Chỉ tiêu 7: Biết xếp sắp hợp lý công việc để có năng suất lao động cao hơn, hiệu quả công việc tốt hơn, tăng thu nhập cho bản thân và gia đình.	10
	Chỉ tiêu 8: Biết tính toán, suy nghĩ, phân tích, đánh giá tác động của các yếu tố đến một công việc sẽ triển khai trong sản xuất, kinh doanh, dịch vụ trước khi quyết định thực hiện.	10
3. Tiêu chí 3: Năng lực xây dựng và thực	Chỉ tiêu 9: Thân thiện, hòa đồng với mọi người trong cộng đồng; đoàn kết, gắn bó với bà con thôn xóm, tổ dân phố. Có trách nhiệm với gia đình và xã	10

hiện các mối quan hệ xã hội (20 điểm)	hội. Tham gia giữ gìn an ninh trật tự đảm bảo an toàn giao thông.	
	Chỉ tiêu 10: Hợp tác, chia sẻ với mọi người trong lao động sản xuất và hoạt động xã hội; tôn trọng mọi người, ứng xử đúng mực trong giao tiếp; có ý thức bảo vệ môi trường.	10
Tổng cộng:		100

Phụ lục III**TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ, CÔNG NHẬN ĐẠT DANH HIỆU
“CÔNG DÂN HỌC TẬP” DÙNG CHO NGƯỜI LAO ĐỘNG**

(Kèm theo Quyết định số 324 /QĐ-HKVN ngày 25 tháng 10 năm 2023 của
Ban chấp hành Trung ương Hội Khuyến học Việt Nam)

Tiêu chí	Chỉ tiêu	Điểm số
1. Tiêu chí 1: Năng lực tự học, học tập suốt đời (40 điểm)	Chỉ tiêu 1: Hàng ngày có dành thời gian để đọc sách báo, cập nhật thông tin trên các phương tiện thông tin đại chúng hoặc trong điện thoại, thiết bị điện tử cầm tay.	10
	Chỉ tiêu 2: Xây dựng và thực hiện kế hoạch học tập theo các chương trình do nhà máy, doanh nghiệp, cơ sở sản xuất tổ chức, theo học các lớp học ngắn hạn, các khóa huấn luyện của đơn vị, đoàn thể, trung tâm dạy nghề, trung tâm ngoại ngữ - tin học...	10
	Chỉ tiêu 3: Sắp xếp công việc hợp lý để có thời gian tham gia các hoạt động của Nhà văn hóa, câu lạc bộ, thư viện, các hội nghị, hội thảo có nội dung liên quan đến công việc đang làm, các cuộc vận động thi đua tại cộng đồng.	10
	Chỉ tiêu 4: Quan tâm khuyến khích, hỗ trợ, tạo điều kiện để người thân trong gia đình và bạn bè, đồng nghiệp học tập thường xuyên, cùng nhau chia sẻ kinh nghiệm làm ăn, phát triển nghề nghiệp, nâng cao kiến thức, kỹ năng.	10
2. Tiêu chí 2: Năng lực sử dụng công cụ học tập, làm việc (40 điểm)	Chỉ tiêu 5: Sử dụng được máy vi tính, điện thoại thông minh, các thiết bị điện tử để làm tốt nhiệm vụ sản xuất, kết nối với đồng nghiệp, với các đối tác để phát triển chuyên môn – nghiệp vụ, nâng cao tay nghề.	10
	Chỉ tiêu 6: Biết sử dụng ngoại ngữ để giao dịch với khách hàng, mở rộng giao lưu, hiểu được những hướng dẫn cơ bản về công việc làm ăn, sử dụng thiết bị sản xuất.	10
	Chỉ tiêu 7: Biết tính toán để hợp lý hóa các thao tác, tổ chức nơi làm việc khoa học; cải tiến kỹ thuật, nâng cao năng suất lao động; nâng cao tay nghề và kỹ năng nghề nghiệp	10

Tiêu chí	Chỉ tiêu	Điểm số
	Chỉ tiêu 8: Biết phân tích, định ra những phương án, giải pháp hợp lý trong xây dựng kế hoạch sản xuất, tổ chức và quản lý công việc, quản lý và bảo dưỡng công cụ, máy móc và các thiết bị, tiết kiệm nguyên vật liệu; đảm bảo an toàn lao động.	10
3. Tiêu chí 3: Năng lực xây dựng và thực hiện các mối quan hệ xã hội (20 điểm)	Chỉ tiêu 9: Xây dựng được mối quan hệ thiện cảm với khách hàng, với người xung quanh; không làm hàng giả, hàng kém chất lượng. Tuân thủ kỷ luật lao động. Có trách nhiệm với gia đình, cơ quan, nhà máy, doanh nghiệp, tập thể người lao động và cộng đồng, xã hội.	10
	Chỉ tiêu 10: Gắn kết, hợp tác và chia sẻ với đồng nghiệp trong tập thể cơ quan, đơn vị; giúp đỡ khi đồng nghiệp gặp khó khăn, tích cực xây dựng tập thể lao động tiên tiến, tôn trọng mọi người. Ứng xử đúng mực trong giao tiếp; Có ý thức bảo vệ môi trường, thực hiện và vận động mọi người đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa khu dân cư và xây dựng đô thị văn minh.	10
Tổng cộng:		100

Phụ lục IV

TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ, CÔNG NHẬN ĐẠT DANH HIỆU “CÔNG DÂN HỌC TẬP” DÙNG CHO CÁN BỘ CÔNG NHÂN VIÊN, DOANH NHÂN
(Kèm theo Quyết định số 324 /QĐ-HKVN ngày 25 tháng 10 năm 2023 của Ban chấp hành Trung ương Hội Khuyến học Việt Nam)

Tiêu chí	Chỉ tiêu	Điểm số
1. Tiêu chí 1: Năng lực tự học, học tập suốt đời (40 điểm)	Chỉ tiêu 1: Hằng ngày cập nhật thông tin và kiến thức trên sách báo, đài phát thanh, đài truyền hình, trên mạng Internet.	10
	Chỉ tiêu 2: Tham gia học tập tại các cơ sở giáo dục thường xuyên, các thiết chế văn hóa, các trung tâm dạy nghề trong xã; tham gia học tập các chương trình phục vụ yêu cầu công việc hoặc do cơ quan, doanh nghiệp, cơ sở sản xuất – kinh doanh quy định.	10
	Chỉ tiêu 3: Tham gia các hoạt động của các thiết chế văn hóa tại cộng đồng, các cuộc vận động thi đua của cơ quan, doanh nghiệp, cơ sở sản xuất – kinh doanh tổ chức, phát động.	10
	Chỉ tiêu 4: Khuyến khích, động viên gia đình và bạn bè, đồng nghiệp học tập, chia sẻ kinh nghiệm thường xuyên để nâng cao kiến thức chuyên môn, tay nghề.	10
2. Tiêu chí 2: Năng lực sử dụng công cụ học tập, làm việc (40 điểm)	Chỉ tiêu 5: Sử dụng được một hoặc nhiều thiết bị phục vụ học tập suốt đời như: Thiết bị công nghệ thông tin, điện thoại thông minh, các thiết bị điện tử để làm tốt nhiệm vụ sản xuất, kinh doanh, mua bán thông qua thiết bị điện tử, kết nối với đồng nghiệp để chia sẻ kinh nghiệm chuyên môn, nghiệp vụ, cập nhật thông tin, kiến thức. Sử dụng các dịch vụ công trực tuyến. Không vi phạm các quy định của pháp luật về an ninh, an toàn khi sử dụng mạng.	10
	Chỉ tiêu 6: Sử dụng được ngoại ngữ để hiểu được những hướng dẫn cơ bản khi sử dụng sản phẩm gia dụng, chăn nuôi, trồng trọt, sử dụng thiết bị sản xuất.	10
	Chỉ tiêu 7: Có đổi mới, sáng tạo trong sản xuất, kinh doanh; cải tiến kỹ thuật, nâng cao năng suất lao động; nâng cao tay nghề và kỹ năng nghề nghiệp.	10

Tiêu chí	Chỉ tiêu	Điểm số
	Chỉ tiêu 8: Biết phân tích, định ra những phương án, giải pháp hợp lý áp dụng trong lao động, sản xuất, kinh doanh và hoạt động xã hội.	10
3. Tiêu chí 3: Năng lực xây dựng và thực hiện các mối quan hệ xã hội (20 điểm)	Chỉ tiêu 9: Xây dựng được mối quan hệ gắn kết với nhân dân nơi sinh sống. Có trách nhiệm với gia đình, đơn vị công tác, tập thể lao động và cộng đồng xã hội. Tuân thủ pháp luật. Ứng xử có văn hóa, văn minh. Tích cực xây dựng tập thể, cơ quan đạt danh hiệu “Đơn vị học tập”.	10
	Chỉ tiêu 10: Hợp tác, chia sẻ trong lao động và hoạt động xã hội. Tôn trọng bình đẳng giới, sự đa dạng văn hóa và ngôn ngữ. Ứng xử đúng mực trong giao tiếp; có ý thức bảo vệ môi trường. Thực hiện và vận động mọi người đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa nông thôn mới, đô thị văn minh.	10
Tổng cộng:		100

Phụ lục V

TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ, CÔNG NHẬN ĐẠT DANH HIỆU
“CÔNG DÂN HỌC TẬP” DÙNG CHO HỌC SINH, SINH VIÊN, HỌC VIÊN
(Kèm theo Quyết định số 324 /QĐ-HKVN ngày 25 tháng 10 năm 2023 của
Ban chấp hành Trung ương Hội Khuyến học Việt Nam)

Chỉ tiêu	Đánh giá
a) Chỉ tiêu 1: Thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của người học theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo	Đạt
b) Chỉ tiêu 2: Kết quả học tập và rèn luyện đạt yêu cầu theo các văn bản quy định về đánh giá học sinh, sinh viên, học viên của Bộ Giáo dục và Đào tạo.	Đạt
c) Chỉ tiêu 3: Không vi phạm các quy định của cơ sở giáo dục và đào tạo, quy định pháp luật của Nhà nước đến mức bị xử lý kỷ luật từ mức khiển trách trở lên.	Đạt
d) Chỉ tiêu 4: Có năng lực tự học, tự nghiên cứu; tham gia nghiên cứu khoa học, định hướng phát triển nghề nghiệp bản thân.	Đạt

II. QUAN ĐIỂM, MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU CHUNG

1. Mỗi công dân học tập là người biết tự học và coi trọng việc học tập; thông qua học tập suốt đời để thường xuyên cập nhật kiến thức chuyên môn - nghề nghiệp, hoàn thiện tay nghề, có tinh thần đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp, có ý thức lập thân, lập nghiệp nhằm cải thiện đời sống cá nhân, gia đình và cộng đồng, hướng tới công dân số, đóng góp tích cực cho xã hội.

2. Mọi công dân có trách nhiệm và quyền lợi được học tập thường xuyên, học suốt đời, tận dụng mọi cơ hội do xã hội mang lại để biến tri thức của nhân loại thành kiến thức của mình; tương tác, tạo điều kiện để người khác cùng học tập hiệu quả, góp phần xây dựng xã hội học tập, hướng tới xã hội số. Thực hiện tốt nội dung Phong trào thi đua xây dựng xã hội học tập do Thủ tướng phát động.

3. Các cơ quan nhà nước, các tổ chức chính trị - xã hội, xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức kinh tế, đơn vị lực lượng vũ trang, cộng đồng dân cư... có trách nhiệm thực hiện tốt Chỉ thị của Bộ Chính trị, Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về khuyến học, khuyến tài và thực hiện các mô hình học tập, khuyến khích, tạo cơ hội công bằng và điều kiện thuận lợi cho mọi cá nhân trong tổ chức, đơn vị, gia đình, mọi công dân trong xã hội được tham gia học tập, nhất là các đối tượng chính sách, những người ở vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, người bị thiệt thòi, yếu thế trong xã hội. Thực hiện tốt nội dung Phong trào thi đua xây dựng xã hội học tập do Thủ tướng phát động.

III. HƯỚNG DẪN ĐÁNH GIÁ, CÔNG NHẬN DANH HIỆU “CÔNG DÂN HỌC TẬP”

1. Kỳ đánh giá, công nhận “Công dân học tập”

Việc đánh giá, công nhận “Công dân học tập” được thực hiện định kỳ hằng năm. Thời điểm lấy thông tin, số liệu để thực hiện việc đánh giá, chấm điểm được tính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12 của năm đánh giá.

2. Cách thức đánh giá, công nhận “Công dân học tập”

2.1. Đối với *người dân trong xã, người lao động và cán bộ công nhân viên, doanh nhân*

Việc đánh giá, công nhận “Công dân học tập” đối với *người dân trong xã, người lao động và cán bộ công nhân viên, doanh nhân* bằng cách chấm điểm. Thang điểm đánh giá là 100. Thang điểm đánh giá được xác định cụ thể đối với từng chỉ tiêu đánh giá trong tiêu chí quy định tại Phụ lục II, Phụ lục III, Phụ lục IV. Mỗi chỉ tiêu đánh giá được cho điểm từ 1 đến điểm tối đa của chỉ tiêu đó. Các tiêu chí không có minh chứng phù hợp không được chấm điểm.

2.2. Đối với *học sinh, sinh viên, học viên (người học)*

Việc đánh giá, công nhận “Công dân học tập” đối với người học bằng cách đánh giá đạt hoặc không đạt. Đánh giá kết quả của từng chỉ tiêu trong các tiêu chí quy định tại Phụ lục V.

3. Điều kiện công nhận “Công dân học tập”

3.1. Đối với người dân trong xã

a) *Người dân trong xã* ở các xã thuộc vùng khó khăn được công nhận đạt danh hiệu “Công dân học tập” khi tổng số điểm đánh giá đối với từng tiêu chí, chỉ tiêu thành phần quy định tại Phụ lục II đạt từ 70 đến 100 điểm, trong đó không có chỉ tiêu bị điểm dưới 5.

b) *Người dân trong xã* ở các xã còn lại được công nhận đạt danh hiệu “Công dân học tập” khi tổng số điểm đánh giá đối với từng tiêu chí, chỉ tiêu thành phần quy định tại Phụ lục II đạt được từ 80 đến 100 điểm, trong đó không có chỉ tiêu bị điểm dưới 5.

3.2. Đối với người lao động

a) Người lao động ở các xã thuộc vùng khó khăn được công nhận đạt danh hiệu “Công dân học tập” khi tổng số điểm đánh giá đối với từng tiêu chí, chỉ tiêu thành phần quy định tại Phụ lục III đạt từ 70 đến 100 điểm, trong đó không có chỉ tiêu bị điểm dưới 5.

b) Người lao động các xã còn lại được công nhận đạt danh hiệu “Công dân học tập” khi tổng số điểm đánh giá đối với từng tiêu chí, chỉ tiêu thành phần quy định tại Phụ lục III đạt được từ 80 đến 100 điểm, trong đó không có chỉ tiêu bị điểm dưới 5.

3.3. Đối với cán bộ công nhân viên, doanh nhân

Cán bộ công nhân viên, doanh nhân được công nhận đạt danh hiệu “Công dân học tập” khi tổng số điểm đánh giá đối với từng tiêu chí, chỉ tiêu thành phần quy định tại Phụ lục IV đạt từ 80 đến 100 điểm, trong đó không có chỉ tiêu bị điểm dưới 5.

4. Quy trình đánh giá, công nhận “Công dân học tập”

4.1. Quy trình đánh giá, công nhận “Công dân học tập” đối với người dân trong xã

a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã giao Hội Khuyến học xã chủ trì tổ chức đánh giá, công nhận “Công dân học tập”;

b) *Người dân trong xã* thực hiện tự đánh giá, công nhận “Công dân học tập” theo các tiêu chí, chỉ tiêu quy định tại Phụ lục II và nộp bản tự đánh giá cho Hội khuyến học xã;

c) Hội Khuyến học xã xây dựng kế hoạch đánh giá; thành lập Tổ đánh giá, công nhận “Công dân học tập” (sau đây gọi chung là Tổ đánh giá);

d) Tổ đánh giá tổ chức cuộc họp xem xét, đánh giá, thống nhất kết quả tự đánh giá của người dân trong xã và xây dựng Báo cáo đánh giá, công nhận “Công dân học tập”, Bản tổng hợp danh sách *người dân trong xã* đáp ứng điều kiện công nhận đạt danh hiệu “Công dân học tập”;

đ) Căn cứ kết quả đánh giá của Tổ đánh giá, Hội Khuyến học xã lập tờ trình trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét, quyết định công nhận *người dân trong xã* đạt danh hiệu “Công dân học tập”;

e) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét, quyết định công nhận người dân trong xã đạt danh hiệu “Công dân học tập”.

4.2. Quy trình đánh giá, công nhận “Công dân học tập” đối với *người lao động*

a) *Người lao động* thực hiện tự đánh giá, công nhận “Công dân học tập” theo các tiêu chí, chỉ tiêu quy định tại Phụ lục III và nộp bản tự đánh giá cho Tổ đánh giá, công nhận “Công dân học tập” (sau đây gọi chung là Tổ đánh giá) do Thủ trưởng đơn vị thành lập;

b) Tổ đánh giá tổ chức cuộc họp xem xét, đánh giá, thống nhất kết quả tự đánh giá của các người lao động;

c) Tổ đánh giá xây dựng Báo cáo đánh giá, công nhận “Công dân học tập”, Bản tổng hợp danh sách người lao động đáp ứng điều kiện công nhận đạt danh hiệu “Công dân học tập” theo các tiêu chí, chỉ tiêu quy định tại Phụ lục III, trình Thủ trưởng đơn vị xem xét, quyết định công nhận;

d) Thủ trưởng đơn vị xem xét, quyết định công nhận người lao động đạt danh hiệu “Công dân học tập”.

4.3. Quy trình đánh giá, công nhận “Công dân học tập” đối với *cán bộ công nhân viên, doanh nhân*

a) Thủ trưởng đơn vị giao cho phòng/bộ phận chuyên môn, nghiệp vụ/tổ chuyên môn, tổ văn phòng/văn phòng, thanh tra, phòng chuyên môn, nghiệp vụ, ban/chi hội khuyến học (nếu có) hoặc các phòng, bộ phận, tổ khác thuộc cơ quan, đơn vị, cơ sở giáo dục (sau đây gọi chung là văn phòng) chủ trì tổ chức đánh giá, công nhận “Công dân học tập”;

b) Cán bộ công nhân viên, doanh nhân thực hiện tự đánh giá, công nhận “Công dân học tập” theo các tiêu chí, chỉ tiêu quy định tại Phụ lục IV và nộp bản tự đánh giá cho văn phòng;

c) Văn phòng xây dựng kế hoạch đánh giá; thành lập Tổ đánh giá, công nhận “Công dân học tập” (sau đây gọi chung là Tổ đánh giá);

d) Tổ đánh giá tổ chức cuộc họp xem xét, đánh giá, thống nhất kết quả tự đánh giá của các cán bộ công nhân viên, doanh nhân;

đ) Tổ đánh giá xây dựng Báo cáo đánh giá, công nhận “Công dân học tập”, Bản tổng hợp danh sách cán bộ công nhân viên, doanh nhân đáp ứng điều kiện

công nhận đạt danh hiệu “Công dân học tập” theo các tiêu chí, chỉ tiêu quy định tại Phụ lục IV, trình Thủ trưởng đơn vị xem xét, quyết định công nhận;

e) Thủ trưởng đơn vị xem xét, quyết định công nhận cán bộ công nhân viên, doanh nhân đạt danh hiệu “Công dân học tập”.

4.4. Quy trình đánh giá, công nhận “Công dân học tập” đối với *học sinh, sinh viên, học viên (người học)*.

a) Thủ trưởng đơn vị giao cho ban/chi hội khuyến học hoặc văn phòng (sau đây gọi là văn phòng) chủ trì tổ chức đánh giá, công nhận “Công dân học tập”;

b) Người học thực hiện tự đánh giá, công nhận “Công dân học tập” theo các tiêu chí, chỉ tiêu quy định tại Phụ lục V và nộp bản tự đánh giá cho văn phòng;

c) Văn phòng xây dựng kế hoạch đánh giá; thành lập Tổ đánh giá, công nhận “Công dân học tập” (sau đây gọi chung là Tổ đánh giá);

d) Tổ đánh giá tổ chức cuộc họp xem xét, đánh giá, thống nhất kết quả tự đánh giá của người học;

đ) Tổ đánh giá xây dựng Báo cáo đánh giá, công nhận “Công dân học tập”, Bản tổng hợp danh sách người học đáp ứng điều kiện công nhận đạt danh hiệu “Công dân học tập” theo các tiêu chí, chỉ tiêu quy định tại Phụ lục V, trình Thủ trưởng đơn vị xem xét, quyết định công nhận;

e) Thủ trưởng đơn vị xem xét, quyết định công nhận người học đạt danh hiệu “Công dân học tập”./.
